

Bản án số: 92/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03 – 3 – 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Trường An.
- Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Vũ Phong – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 03 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 413/2025/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn S, sinh năm 1984; Căn cước số: 096084001825, cấp ngày 11/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Địa chỉ: Ấp Đất Sét, xã P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Tô Thị Y, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp Cái Bát, xã N, tỉnh Cà Mau. Hiện đang sinh sống tại ấp Tân Phú T, xã N, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Phạm Thị Kiều O, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp Cái Bát, xã N, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp Bào Thùng, xã N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Văn S và chị Tô Thị Y tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 đến năm 2013, mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu anh, chị chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2024, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh S trình bày là do chị Y có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác bị anh bắt quả tang và anh có quay Video clip lại nhưng không có trình báo với chính quyền địa phương, riêng chị Y không đồng ý với mâu thuẫn

anh S trình bày, chị thừa nhận có ngồi nói chuyện với người đàn ông khác chứ không có thực hiện hành vi quan hệ bất chính mà mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do anh S không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con và cha mẹ chồng sống quá khắt khe. Tuy nhiên, anh S không thống nhất việc chị Y cho rằng chỉ ngồi nói chuyện với người đàn ông khác là không đúng bởi thời gian xảy ra sự việc vào ban đêm, ở ngoài bờ đất trống, không có người qua lại. Hiện anh, chị đã sống ly thân từ ngày 17/10/2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị Y cũng đồng ý.

Về con chung, anh S và chị Y xác định có 02 người con tên Trần Anh Thư, sinh ngày 16/9/2008 và Trần Hoàng Lâm, sinh ngày 16/02/2018. Hiện cháu Thư đã đi làm còn cháu Lâm đang đi học và chung sống cùng với chị Y. Khi ly hôn, anh yêu cầu nhận nuôi cháu Lâm, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con còn cháu Thư giao cho chị Y nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Riêng chị Y yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa, do các con có nguyện vọng được sống cùng chị Y nên anh S đồng ý giao các con cho chị Y nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, anh S và chị Y khai nhận trong thời gian chung sống có xây dựng căn nhà tọa lạc tại ấp Tân Phú T, xã N, tỉnh Cà Mau trên phần đất của cha mẹ vợ. Nhà có diện tích ngang 4,9m, dài 13,6m, xây dựng vào ngày 29/4/2024 (âm lịch), nhà xây dựng không có xin phép, hiện nhà do vợ và con anh đang ở. Khi ly hôn, anh S và chị Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, anh S và chị Y khai có nợ các chủ nợ sau: Nợ chị Phạm Thị Kiều O (chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Duy Nam) tiền mua vật liệu xây dựng để cất nhà số tiền 7.000.000 đồng; nợ bà Trần Thị T (mẹ vợ) 04 (bốn) chỉ vàng 24K và 10.000.000 đồng, mượn vào thời gian cất nhà. Khi ly hôn, anh chị cùng yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ nêu trên.

Đối với bà Trần Thị T khai nhận có cho anh S và chị Y mượn 04 chỉ vàng 24K cùng số tiền 10.000.000 đồng vào khoảng tháng 5 năm 2024 để vợ chồng anh S, chị Y cất nhà, do là mẹ con nên không có làm biên nhận. Nay anh S, chị Y ly hôn bà yêu cầu anh S, chị Y trả số vàng và tiền nêu trên.

Đối với chị Phạm Thị Kiều O khai nhận vào khoảng năm 2022, chị có bán vật liệu xây dựng cho anh Trần Văn S và chị Tô Thị Y để xây dựng nhà. Trong quá trình mua bán, anh S và chị Y còn nợ số tiền 7.000.000 đồng nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà giữa chị với anh S, chị Y sẽ tự thỏa thuận với nhau. Đồng thời, do công việc mua bán kinh doanh, chị không sắp xếp được thời gian đến Tòa án nên yêu cầu Tòa án không hòa giải và giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, chị Phạm Thị Kiều O, chị Tô Thị Y đã có lời khai và có đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, riêng bà Trần Thị Thắm vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự,

Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị xin vắng mặt của bà O, chị Y và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số: 58/2013 nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy các đương sự trình bày không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn song các đương sự thừa nhận mâu thuẫn xảy ra là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn nêu trên, các đương sự không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nên việc nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn, bị đơn cũng đồng ý. Xét thấy, việc các đương sự thỏa thuận thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[3] Về con chung là Trần Anh Thư, sinh ngày 16/9/2008; Trần Hoàng Lân, sinh ngày 16/02/2018, hiện các con đang chung sống với bị đơn. Mặc dù, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu nuôi cháu Lân nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn thống nhất theo nguyện vọng của cháu và đồng ý giao các con cho chị Y nuôi, nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với nguyện vọng của các con, riêng việc cấp dưỡng nuôi con tuy được Hội đồng xét xử giải thích nhưng nguyên đơn cho rằng sẽ tự cấp dưỡng cho các con riêng mà không ghi nhận trong bản án còn bị đơn không yêu cầu. Do đó, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của các đương sự được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, các đương sự xác định có một căn nhà tọa lạc tại ấp Tân Phú T, xã N, tỉnh Cà Mau được xây dựng trên phần đất của cha mẹ vợ. Nhà có diện tích ngang 4,9m, dài 13,6m, xây dựng vào ngày 29/4/2024 (âm lịch) nhưng khi ly hôn, các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, các đương sự có nợ bà Trần Thị T 04 chỉ vàng 24K cùng số tiền 10.000.000 đồng và nợ chị Phạm Thị Kiều O 7.000.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng để cất nhà. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà T đã được Tòa án ấn định thời gian nộp đơn yêu cầu độc lập đối với khoản nợ trên nhưng đến nay, bà T vẫn không nộp đơn yêu cầu để giải quyết khoản nợ trên trong cùng vụ án. Riêng chị O đã có lời khai xác định số tiền nợ nêu trên giữa chị O với nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp bà T, chị O có yêu cầu sẽ khởi kiện và được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn S về việc xin ly hôn chị Tô Thị Y.
- Về con chung là Trần Anh Thư, sinh ngày 16/9/2008 và Trần Hoàng Lâm, sinh ngày 16/02/2018. Hiện các con đang chung sống với chị Tô Thị Y nên khi ly hôn, tiếp tục giao các con cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm anh Trần Văn S cấp dưỡng nuôi con. Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.
- Về tài sản chung, anh Trần Văn S và chị Tô Thị Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.
- Về nợ chung, anh Trần Văn S và chị Tô Thị Y có nợ bà Trần Thị T 04 chỉ vàng 24K cùng số tiền 10.000.000 đồng và nợ chị Phạm Thị Kiều O số tiền 7.000.000 đồng nhưng tách ra, không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.
- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, anh Trần Văn S phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 10/11/2025, anh S đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0004193 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân**